

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT
TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm 2013

HẢI PHÒNG , THÁNG 10 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - quận Lê Chân - TP.Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576



MỤC LỤC

Trang

Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

1-2

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

3

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

4

Thuyết minh Báo cáo tài chính

5-14

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 3 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2013 VND	01/01/2013 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN			19,707,489,827	21,220,665,235
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5,370,443,027	6,995,709,201
1. Tiền	111	V.01	1,295,443,027	1,795,709,201
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,075,000,000	5,200,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	0	7,468,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		0	7,468,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6,491,663,117	6,304,727,192
1. Phải thu khách hàng	131		2,761,142,620	2,369,199,075
2. Trả trước cho người bán	132		2,982,588,198	2,878,857,345
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	815,805,719	1,124,544,192
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(67,873,420)	(67,873,420)
IV. Hàng tồn kho	140		6,619,868,035	0
1. Hàng tồn kho	141	V.04	6,619,868,035	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,225,515,648	452,228,842
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		54,784,705	27,194,842
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		620,957,153	0
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		549,773,790	425,034,000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8,372,787,565	8,580,181,898
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		7,920,263,621	8,321,511,022
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	7,675,060,894	8,076,308,295
- Nguyên giá	222		19,249,173,681	18,794,348,271
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11,574,112,787)	(10,718,039,976)
4. Chi phí XDCB dở dang	230		245,202,727	245,202,727
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		245,000,000	230,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	245,000,000	230,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		207,523,944	28,670,876
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	207,523,944	28,670,876
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		28,080,277,392	29,800,847,133

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 3 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2013 VND	01/01/2013 VND
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		15,080,880,938	16,131,218,370
I. Nợ ngắn hạn	310		12,933,546,938	13,943,480,370
2. Phải trả cho người bán	312		323,289,364	345,890,264
3. Người mua trả tiền trước	313		11,952,021,476	10,951,222,818
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	144,445,456	667,922,250
5. Phải trả người lao động	315		59,365,484	0
6. Chi phí phải trả	316	V.17	278,061,948	1,439,209,798
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	287,148,337	650,020,367
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(110,785,127)	(110,785,127)
II. Nợ dài hạn	330		2,147,334,000	2,187,738,000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		2,147,334,000	2,187,738,000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12,999,396,454	13,669,628,763
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	12,999,396,454	13,669,628,763
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10,820,000,000	10,820,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,705,242,440	2,705,242,440
4. Cổ phiếu quỹ	414		(724,479,668)	(720,503,828)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		54,755,669	54,755,669
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		281,527,658	281,527,658
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(137,649,645)	528,606,824
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		28,080,277,392	29,800,847,133

Người lập

Kế toán trưởng

Đỗ Bích Phương



Hải Phòng, ngày 10 tháng 10 năm 2013

Giám đốc

PHÓ GIÁM ĐỐC KINH DOANH
Trần Hải Nguyên Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2013

PH
V
H
S
T

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý3		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2013 VND	Năm 2012 VND	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	670,728,000	670,731,954	1,215,217,745	2,707,486,174
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		670,728,000	670,731,954	1,215,217,745	2,707,486,174
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	351,202,290	323,283,540	400,968,581	1,538,696,373
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		319,525,710	347,448,414	814,249,164	1,168,789,801
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	34,107,636	54,760,618	376,520,334	1,161,572,492
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	0	0	0	235,143,111
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>						
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		358,372,728	398,098,260	1,414,514,751	1,256,550,016
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4,739,382)	4,110,772	(223,745,253)	838,669,166
11. Thu nhập khác	31		7,210,565	0	397,671,982	84,492,740
12. Chi phí khác	32		0	0	161,555,134	272,675,219
13. Lợi nhuận khác	40		7,210,565	0	236,116,848	(188,182,479)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,471,183	4,110,772	12,371,595	650,486,687
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	617,796	719,385	49,458,661	162,253,334
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,853,387	3,391,387	(37,087,066)	488,233,353
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.88	3.40	(37.57)	480.31

Người lập

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 10 tháng 10 năm 2013

Giám đốc

Đỗ Bích Phượng



PHÓ GIÁM ĐỐC KINH DOANH
Trần Hải Nguyên Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 3 năm 2013

TT	Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	30/09/2013 VND	30/09/2012 VND
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2,974,124,890	5,611,878,292
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(8,806,449,994)	(2,844,000,000)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(1,068,707,356)	(737,961,422)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		0
5	Tiền chi nộp thuế TNDN	05	(220,210,669)	(198,021,795)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	932,541,763	103,889,087
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1,599,974,770)	(3,167,593,033)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7,788,676,136)	(1,231,808,871)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xd TSCĐ và các TSDH khác	21		0
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		0
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18,100,000,000)	0
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	23,993,000,000	5,742,760,618
5	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(15,000,000)	(230,000,000)
6	Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		
7	Thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	753,606,313	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6,631,606,313	5,512,760,618
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	(3,975,840)	(677,894,068)
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		0
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(464,220,511)	(512,148,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(468,196,351)	(1,190,042,068)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1,625,266,174)	3,090,909,679
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6,995,709,201	4,003,009,722
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5,370,443,027	7,093,919,401

Hải Phòng, ngày 10 tháng 10 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đỗ Bích Phương



Giám đốc

PHÓ GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Trần Hải Nguyên Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng (CINDE) (dưới đây viết tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 876/QĐ-UB ngày 28/5/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Xi nghiệp Xây dựng Tổng hợp trực thuộc Công ty Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 055555 đăng ký lần đầu ngày 02/6/1999, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 03/12/2009.

Trụ sở Công ty đặt tại Khu điều hành cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty: **10.820.000.000** đồng (Mười tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Vốn góp của Nhà nước: 976.320.000 đồng (Chín trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn), chiếm tỷ lệ 9,02% vốn điều lệ.
- Vốn góp của cổ đông: 9.843.680.000 đồng (Chín tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng chẵn), chiếm tỷ lệ 90,98% vốn điều lệ.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

2- Lĩnh vực kinh doanh chính

Trong năm 2013, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng; kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng.

3- Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, lắp máy, điện nước;
- Xây dựng và cải tạo lưới điện cao thế, hạ thế đến cấp điện áp 35KV;
- Kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng. Kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất;
- Kinh doanh vật liệu, máy và thiết bị xây dựng, bất động sản, vật tư, nguyên liệu để làm xà phòng, hàng tiêu dùng, hóa mỹ phẩm, công nghệ phẩm, nông sản; khai thác vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, gia công cơ khí.

II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc tại ngày 31/12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10/6/2013 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".

4- Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính chính và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại Công ty bao gồm: Chi phí sửa chữa TSCĐ, giá trị còn lại của các tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính, công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm tài chính.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Công ty phân bổ khoản chi phí này theo phương pháp đường thẳng cho số năm ước tính mà khoản chi phí này phục vụ quá trình kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: Ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả; các khoản chi phí phải trả nhà thầu phụ của các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu nhưng Công ty chưa thực hiện việc quyết toán đối với các nhà thầu phụ này.

Cơ sở ghi nhận các khoản trích trước dựa vào khối lượng công việc tương ứng đã được ghi nhận doanh thu trong kỳ và đơn giá giao khoán trong các hợp đồng giao khoán nội bộ liên quan.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu của công ty khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ: Được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu như chi phí giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được ghi nhận khi công việc đã hoàn thành, được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá.

Doanh thu hoạt động cho thuê nhà xưởng được xác định căn cứ trên hóa đơn GTGT và phân bổ cho từng tháng theo hợp đồng cho thuê đã ký.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá xác định giữa chủ đầu tư và Công ty, kế toán lập hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Doanh thu được ghi nhận theo giá bán chưa có thuế GTGT.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Các khoản đầu tư tài chính khác. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành 25%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

17- Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, các tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Giá trị sau khi ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/09/2013 Đồng	01/01/2013 Đồng
Tiền mặt tại quỹ	113.274.624	470.650.399
Tiền gửi ngân hàng	1.182.168.403	1.325.058.802
Cộng	1.295.443.027	1.795.709.201

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

	30/09/2013 Đồng	01/01/2013 Đồng
- Tiền gửi có kỳ hạn 7 tháng tại BIDV	0	7.468.000.000
Cộng	0	7.468.000.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

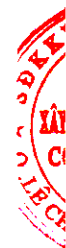
	30/09/2013 Đồng	01/01/2013 Đồng
Phải thu ông Nguyễn Minh Thủy- XNXD số 7	156.537.449	156.537.449
Phải thu tiền bảo hiểm ông Vũ Đức Thuận-XNXD số 3	9.366.246	7.832.400
Lãi tiền gửi ngân hàng(khoản dự thu)	6.319.444	385.466.000
Công ty Cổ phần Phát triển vật liệu xây dựng (Chi phí hoạt động nhà máy gạch) (*)	538.151.675	538.151.675
Phải thu khác của XNXD3	89.263.003	
Phải thu khác	16.167.902	36.556.668
Cộng	815.805.719	1.124.544.192

4. Hàng tồn kho

	30/09/2013 Đồng	01/01/2013 Đồng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.619.868.035	0
Cộng	6.619.868.035	0

5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	30/09/2013 Đồng	01/01/2013 Đồng
Thuế đất nộp thừa	500.468.000	500.468.000
Thuế GTGT nộp thừa	49.305.790	
Cộng	549.773.790	500.468.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: đồng.

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2013	15.253.486.440	2.294.672.708	1.097.168.992	149.020.131	18.794.348.271
- Mua		636.363.636			636.363.636
- Giảm theo 45/2013/TT-BTC		(64.318.095)		(117.220.131)	(181.538.226)
Tại 30/09/2013	15.253.486.440	2.866.718.249	1.097.168.992	31.800.131	19.249.173.681
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2013	7.953.743.879	1.625.566.365	1.006.931.823	131.797.909	10.718.039.976
- Khấu hao trong kỳ	759.834.657	197.106.147	63.448.011	2.944.447	1.023.333.262
- Giảm theo 45/2013/TT-BTC		(64.318.095)		(102.942.356)	(167.260.451)
Tại 30/09/2013	8.713.578.536	1.758.354.417	1.070.379.834	31.800.000	11.574.112.787
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2013	7.299.742.561	669.106.343	90.237.169	17.222.222	8.076.308.295
Tại 30/09/2013	6.539.907.904	1.108.363.832	26.789.158	0	7.675.060.894

3-0
 CỘT
 CỘ
 ĐỘNG
 T SỞ
 CINH
 AN

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2013 Đồng	01/01/2013 Đồng
Trang trí nội thất nhà văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh của Công ty	227.272.727	227.272.727
Thiết bị báo động nhà văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh của Công ty	17.930.000	17.930.000
Cộng	245.202.727	245.202.727

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2013 Đồng	01/01/2013 Đồng
Góp vốn đầu tư xây dựng nhà nuôi yến tại thôn Mỹ Á, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà	245.000.000	230.000.000
Cộng	245.000.000	230.000.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2013 Đồng	01/01/2013 Đồng
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	29.287.830	28.670.876
Sửa chữa lớn TSCĐ	178.236.114	0
Cộng	207.523.944	28.670.876

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2013 Đồng	01/01/2013 Đồng
Thuế GTGT	0	451.562.220
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.608.021	216.360.030
Thuế TNCN khấu trừ khi trả cổ tức phải nộp	23.403.435	0
Tiền thuế cơ sở hạ tầng	75.434.000	0
Cộng	144.445.456	667.922.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Chi phí phải trả

	30/09/2013 Đồng	01/01/2013 Đồng
Trích trước chi phí công trình		
- Công trình Hợp phần thoát nước Gói thầu A4	249.174.948	1.100.000.000
- Công trình Tân liên giai đoạn 2a	0	339.209.798
Trích trước tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng kì I/2013	28.887.000	0
Cộng	278.061.948	1.439.209.798

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2013 Đồng	01/01/2013 Đồng
Bảo hiểm XH, BHYT, BHTN phải nộp cho BHLê Chân	0	7.832.400
Cổ tức phải trả cho cổ đông chưa lưu ký	56.370.554	1.199.500
Phải trả các đội tiền thuế GTGT	230.777.783	640.988.467
Cộng	287.148.337	650.020.367

22. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2012	10.820.000.000	2.705.242.440	(720.503.828)	54.755.669	281.527.658	528.606.824	13.669.628.763
Lãi quý I						7.435.353	7.435.353
Lỗ quý II						(46.375.806)	(46.375.806)
Lãi quý III						1.853.387	1.853.387
Cổ tức phải trả năm 2012						(542.795.000)	(542.795.000)
Giảm khác(*)	0	0	(3.975.840)	0	0	(86.374.403)	(90.350.243)
Số dư 30/09/2013	10.820.000.000	2.705.242.440	(724.479.668)	54.755.669	281.527.658	(137.649.645)	12.999.396.454

(*)Giảm khác theo Biên bản quyết toán thuế kỳ kiểm tra từ năm 2009 đến năm 2011 ngày 05/02/2013

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2013 Đồng	01/01/2013 Đồng
Vốn góp của nhà nước	976.320.000	976.320.000
Vốn góp của các đối tượng khác	9.843.680.000	9.843.680.000
Cộng	10.820.000.000	10.820.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/09/2013 Đồng	01/01/2013 Đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	10.082.000.000	10.082.000.000
+ Vốn góp tăng/giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	10.082.000.000	10.082.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	464.220.511	512.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ phiếu

	30/09/2013 (cổ phiếu)	01/01/2013 (cổ phiếu)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.082.000	1.082.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.082.000	1.082.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.082.000	1.082.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	95.100	94.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	95.100	94.500
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	986.900	987.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	986.900	987.500
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/09/2013 Đồng	01/01/2013 Đồng
Quỹ đầu tư phát triển	54.755.669	54.755.669
Quỹ dự phòng tài chính	281.527.658	281.527.658
Cộng	336.283.327	336.283.327

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bù đắp các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2013 đồng	Năm 2012 đồng	Năm 2013 đồng	Năm 2012 đồng
Doanh thu hợp đồng xây dựng	0	0	(841.966.255)	695.290.310
Doanh thu cung cấp dịch vụ	670.728.000	670.731.955	2.057.184.000	2.012.195.864
Cộng	670.728.000	670.731.955	1.215.217.745	2.707.486.175

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Giá vốn hàng bán

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2013 đồng	Năm 2012 đồng	Năm 2013 đồng	Năm 2012 đồng
Giá vốn hợp đồng xây dựng	0	0	(850.825.052)	493.124.818
Giá vốn cung cấp dịch vụ	351.202.290	323.283.540	1.251.793.633	1.045.571.555
Cộng	351.202.290	323.283.540	400.968.581	1.538.696.373

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2013 đồng	Năm 2012 đồng	Năm 2013 đồng	Năm 2012 đồng
Lãi tiền gửi ngân hàng	34.107.636	54.760.618	376.520.334	1.161.572.492
Cộng	34.107.636	54.760.618	376.520.334	1.161.572.492

28. Chi phí tài chính

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2013 đồng	Năm 2012 đồng	Năm 2013 đồng	Năm 2012 đồng
Chi phí tài chính	0	0	0	235.143.111
Cộng	0	0	0	235.143.111

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2013 đồng	Năm 2012 đồng	Năm 2013 đồng	Năm 2012 đồng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.471.183	4.110.772	12.371.595	650.486.687
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN			185.463.046	276.675.219

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng lợi nhuận tính thuế	2.471.183	4.110.772	197.834.461	927.161.906
Chi phí thuế TNDN hiện hành	617.796	1.027.693	49.458.661	231.790.477
Chi phí thuế TNDN được giảm 30%		308.308		69.537.143
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	617.796	719.385	49.458.661	162.253.334

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2013 đồng	Năm 2012 đồng	Năm 2013 đồng	Năm 2012 đồng
LN kê toán sau thuế TNDN	1.853.387	3.391.387	(37.087.066)	488.233.353
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	986.900	998.920	987.092	1.016.503
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.88	3.40	(37.57)	480

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

6. Tình hoạt động liên tục

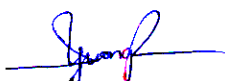
Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 10 tháng 10 năm 2013

Giám đốc



Đỗ Bích Phương



PHÓ GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Lorân Hải Nguyễn Long